

LVKL 03. Tên thủ tục: *Xác nhận lâm sản lưu thông.*

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xác nhận lâm sản lưu thông tại Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố, Hạt Kiểm lâm các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng (<i>gọi chung là cơ quan kiểm lâm sở tại</i>), UBND cấp xã đề nghị xác nhận lâm sản lưu thông vào giờ hành chính của các ngày làm việc.</p> <p>Bước 2. Công chức Kiểm lâm được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ lâm sản xác nhận lưu thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ xin xác nhận lâm sản đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết giấy hẹn. - Nếu hồ sơ chưa đủ thì hướng dẫn chủ lâm sản bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc; trong trường hợp phải xác minh nguồn gốc lâm sản, số lượng, khối lượng lâm sản thì thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ hoặc trả lời cho chủ lâm sản biết lý do không xác nhận lâm sản lưu thông. <p>Bước 3. Kiểm tra thực tế lâm sản xin xác nhận lưu thông, lập biên bản kiểm tra và ký xác nhận vào Bảng kê lâm sản.</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả hồ sơ lâm sản lưu thông tại Cơ quan Kiểm lâm sở tại, UBND cấp xã vào giờ hành chính của các ngày làm việc.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết tại trụ sở cơ quan Kiểm lâm sở tại, UBND cấp xã - Kiểm tra thực tế nơi có lâm sản xin xác nhận lưu thông.
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng kê lâm sản do chủ lâm sản lập 02 bảng gốc (<i>theo mẫu</i>); - Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; - Các tài liệu chứng minh nguồn gốc lâm sản hợp pháp; <p>Trường hợp lâm sản mua của nhiều cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân khai thác từ vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán thì người mua lâm sản lập bảng kê lâm sản, có chữ ký xác nhận của đại diện cộng đồng, hộ gia đình.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (<i>01 bộ gốc và 01 bộ phô to</i>).</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; 05 ngày làm việc trong trường hợp phải xác minh nguồn gốc lâm sản, số lượng, khối lượng lâm sản.</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<p>Cơ quan Kiểm lâm sở tại, UBND cấp xã.</p>
<p>Kết quả:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản kiểm tra; - Bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan Kiểm lâm sở tại, UBND cấp xã.
<p>Lệ phí (nếu có):</p>	<p>Không</p>
<p>Tên mẫu đơn, tờ khai:</p>	<p>- Bảng kê lâm sản (<i>Mẫu số 01 Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012</i>).</p>
<p>Yêu cầu, điều kiện (nếu có):</p>	<p>Không</p>
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</i> - <i>Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</i>

Mẫu số 01: Bảng kê lâm sản, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

.....
.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BKLS

Tờ số:.....

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Kèm theongày...../...../20... của.....)

TT	Tên lâm sản	Nhóm gỗ	Đơn vị tính	Quy cách lâm sản	Số lượng	Khối lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN**
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20.....
**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
LẬP BẢNG KÊ LÂM SẢN**